

Số: 1319 /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 25 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình
thi hành pháp luật và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý
vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 714/TTr-STP ngày 02/6/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tư pháp, Tài chính, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh

có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (b/c);
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL-BTP;
- Cục Công tác phía Nam-BTP;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Như Điều 2;
- Sở Tư pháp (02b);
- CVP, PCVP NC;
- Lưu: VT, NC *28b*.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KI CHỨC TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái

QUY CHẾ

Phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1319 /QĐ-UBND ngày 25 /7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về cơ chế phối hợp của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh (gọi chung là sở, ngành tỉnh); Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện) trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật (THPL) và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (THPL về XLVPHC) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Hoạt động phối hợp dựa trên cơ sở gắn với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và không làm ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật về theo dõi tình hình THPL và quản lý công tác THPL về XLVPHC.

3. Bảo đảm công tác theo dõi tình hình THPL và quản lý công tác THPL về XLVPHC được thực hiện kịp thời, thông suốt, hiệu quả.

Điều 3. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin tài liệu có liên quan đến công tác theo dõi tình hình THPL và công tác quản lý THPL về XLVPHC theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Tổ chức họp, tham gia các cuộc họp liên ngành, hội nghị, tọa đàm, sơ kết, tổng kết.

3. Tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra, điều tra liên ngành.

4. Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp trong công tác theo dõi tình hình THPL:

a) Xây dựng kế hoạch theo dõi tình hình THPL.

b) Tiếp nhận, xử lý và thu thập thông tin về tình hình THPL.

- c) Kiểm tra tình hình THPL.
- d) Điều tra, khảo sát tình hình THPL.
- đ) Xử lý kết quả theo dõi tình hình THPL.
- e) Báo cáo công tác theo dõi tình hình THPL.
- g) Xem xét, đánh giá tình hình THPL

2. Phối hợp trong quản lý công tác THPL về xử lý vi phạm hành chính (XLVPHC)

- a) Việc tổ chức thực hiện, theo dõi tình hình thi hành, xây dựng, hoàn thiện pháp luật về XLVPHC.
- b) Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật XLVPHC.
- c) Kiểm tra việc thi hành pháp luật về XLVPHC.
- d) Thanh tra việc thi hành pháp luật về XLVPHC.
- đ) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC.
- e) Thống kê về XLVPHC.
- g) Báo cáo công tác THPL về XLVPHC.

Chương II

PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 4. Phối hợp xây dựng kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm

a) Căn cứ vào Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán Ngân sách nhà nước hàng năm và thực tiễn thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Nghị quyết của Chính phủ được ban hành. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình THPL trên địa bàn tỉnh hàng năm.

b) Ban hành và thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình THPL trong lĩnh vực được phân công và trong trường hợp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

c) Tổng hợp, theo dõi, đôn đốc việc ban hành và thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình THPL của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm

a) Hàng năm, căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình THPL của Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình THPL trong phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách.

b) Gửi kế hoạch theo dõi tình hình THPL của cơ quan, đơn vị, địa phương đến Sở

Tư pháp và cơ quan ngành dọc cấp trên (nếu có) để theo dõi, tổng hợp.

3. Kế hoạch theo dõi tình hình THPL gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Mục đích, yêu cầu.

b) Văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ cụ thể hoặc lĩnh vực trọng tâm cần theo dõi, đánh giá.

c) Các hoạt động cụ thể và tiến độ thực hiện.

d) Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong thực hiện kế hoạch.

đ) Kinh phí thực hiện.

Điều 5. Tiếp nhận, xử lý và thu thập thông tin về tình hình THPL

1. Tiếp nhận, xử lý thông tin

a) Các tổ chức, cá nhân có thể cung cấp thông tin về tình hình THPL bằng văn bản hoặc trực tiếp tại Trụ sở Tiếp công dân hoặc qua Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Thông tin về tình hình THPL sau khi đã kiểm tra, đối chiếu được sử dụng làm căn cứ để tiến hành kiểm tra, điều tra, khảo sát về tình hình THPL hoặc xử lý kết quả theo dõi tình hình THPL theo quy định.

b) Các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tiếp nhận thông tin về tình hình THPL do tổ chức, cá nhân cung cấp theo quy định tại Khoản 1 Điều này; thu thập thông tin về tình hình THPL được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng; kiểm tra, đối chiếu tính xác thực của thông tin báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, xử lý.

c) Sở Tư pháp là cơ quan đầu mối theo dõi, tổng hợp thông tin của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật

a) Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp thông tin trong phạm vi lĩnh vực và địa bàn về các nội dung:

- Thông tin về tình hình THPL được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức, cá nhân phản ánh, cung cấp.

- Số lượng, nội dung văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật (điều, khoản) không thống nhất, không đồng bộ và tính khả thi không cao.

- Nội dung, hình thức tập huấn, phổ biến pháp luật đã được thực hiện; thực trạng về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, các điều kiện về kinh phí và cơ sở vật chất bảo đảm cho THPL;

- Tình hình hướng dẫn áp dụng pháp luật, tình hình áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền.

- Tình hình xử lý vi phạm pháp luật.

b) Sở Tư pháp chịu trách nhiệm tổng hợp thông tin từ văn bản, báo cáo của các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện về tình hình THPL để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 6. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật

1. Kiểm tra tình hình THPL được thực hiện theo kế hoạch theo dõi tình hình THPL hoặc khi có những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Nội dung, trình tự, thủ tục kiểm tra tình hình THPL thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình THPL (Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ) và Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5 /2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ (Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5 /2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định kiểm tra tình hình THPL đối với các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định kiểm tra tình hình THPL đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong phạm vi cấp huyện.

4. Sở Tư pháp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra về tình hình THPL trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai công tác kiểm tra tình hình THPL theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Phòng Tư pháp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Đoàn kiểm tra về tình hình THPL trên địa bàn cấp huyện và tổ chức triển khai công tác kiểm tra tình hình THPL theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 7. Điều tra, khảo sát tình hình THPL

1. Điều tra, khảo sát tình hình THPL được thực hiện theo kế hoạch theo dõi tình hình THPL, khi có những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó xác định mục đích, đối tượng, nội dung, địa bàn, thời gian, cách thức thực hiện điều tra, khảo sát.

2. Nội dung điều tra, khảo sát tình hình THPL được thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ và Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

3. Căn cứ vào nội dung điều tra, khảo sát, đơn vị chủ trì huy động đội ngũ công tác viên tham gia điều tra, khảo sát theo quy định tại Điều 14 của Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 8. Xử lý kết quả theo dõi tình hình THPL

Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình THPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện; Sở Tư pháp kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi THPL theo quy định.

Điều 9. Xây dựng báo cáo tình hình THPL

1. Các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm công tác theo dõi tình hình THPL theo lĩnh vực và theo địa bàn gửi đến Sở Tư pháp trước ngày 05 tháng 10 hàng năm (*số liệu báo cáo tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước liền kề đến ngày 30 tháng 9 năm thực hiện báo cáo*) hoặc theo yêu cầu đột xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền.

Báo cáo được thực hiện theo Đề cương và các biểu mẫu tại Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác THPL về XLVPHC và theo dõi tình hình THPL.

2. Căn cứ vào báo cáo công tác theo dõi tình hình THPL theo lĩnh vực và địa bàn của các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tư pháp tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Tư pháp trước ngày 15 tháng 10 hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Xem xét, đánh giá tình hình THPL

1. Xem xét, đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật

a) Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ của việc rà soát, lập dự kiến danh mục, việc ban hành kế hoạch xây dựng văn bản quy định chi tiết do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành.

b) Đánh giá tính đầy đủ của văn bản quy định chi tiết so với số nội dung được giao quy định chi tiết tại văn bản được quy định chi tiết.

c) Đánh giá tiến độ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết trên cơ sở so sánh với thời điểm dự kiến cần phải ban hành theo kế hoạch.

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ xây dựng văn bản quy định chi tiết.

2. Xem xét, đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết

a) Các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện khi phát hiện văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ thực hiện việc kiến nghị hình thức xử lý, gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp.

b) Trên cơ sở phân tích, xem xét, tổng hợp các nguồn thông tin Sở Tư pháp lập danh mục các văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

3. Xem xét, đánh giá tính khả thi của văn bản quy định chi tiết

a) Các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện khi phát hiện văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính khả thi hoặc có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành, thực hiện đánh giá nguyên nhân, kiến nghị hình thức xử lý, gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp.

b) Trên cơ sở phân tích, xem xét, tổng hợp các nguồn thông tin Sở Tư pháp lập danh mục các văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính khả thi hoặc có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

4. Xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

a) Các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định nhu cầu tập huấn, phổ biến pháp luật đối với từng lĩnh vực và đối tượng cụ thể, đối chiếu với các hoạt động, nội dung, hình thức, đối tượng tập huấn, phổ biến pháp luật đã được thực hiện, đánh giá tính đầy đủ, kịp thời, phù hợp của hoạt động tập huấn, phổ biến pháp luật, tác động của công tác tập huấn, phổ biến pháp luật đến ý thức tuân thủ và mức độ nâng cao nhận thức pháp luật của các cơ quan, tổ chức, công dân, kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tập huấn pháp luật, gửi Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

b) Các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định nhu cầu về tổ chức bộ máy, tiêu chuẩn cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành pháp luật, đối chiếu với tình hình thực tế, biên chế được giao kiến nghị việc bảo đảm về tổ chức, biên chế và nguồn nhân lực, gửi Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, đồng thời gửi Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp chung.

c) Các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định nhu cầu về kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành pháp luật, đối chiếu với thực trạng bảo đảm, đánh giá về mức độ đáp ứng của việc bảo đảm, kiến nghị việc bảo đảm kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, đồng thời gửi Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp chung.

5. Xem xét, đánh giá về tình hình tuân thủ pháp luật

a) Các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện lập danh mục các quy định cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật chưa được cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền thi hành kịp thời, đầy đủ, hướng dẫn chưa chính xác hoặc thiếu thống nhất; các quyết định áp dụng pháp luật do cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền ban hành có vi phạm về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, không bảo đảm tính chính xác; các vi phạm pháp luật phổ biến trong từng lĩnh vực cụ thể thực hiện việc đánh giá nguyên nhân của tình hình vi phạm theo các tiêu chí về nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, công tác tổ chức thi hành pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các nguyên nhân khác để kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp để kịp thời tổ chức thi hành văn bản pháp luật đã có hiệu lực; xử lý các vi phạm nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn và áp dụng pháp luật; sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, gửi Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

b) Sở Tư pháp phân tích, xem xét, tổng hợp các kiến nghị, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 11. Tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác theo dõi tình hình THPL

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động của mình khi phát hiện những vướng mắc, bất cập của các quy định pháp luật hoặc thấy cần thiết phải áp dụng các biện pháp nhằm kịp thời ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra trong đời sống xã hội, cần cung cấp thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền để xử lý hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định; tham gia các hoạt động theo dõi tình hình THPL theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Cơ quan thông tin đại chúng cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình THPL đến các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền bằng các hình thức phù hợp.

3. Căn cứ yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung sau:

a) Hội Luật gia tỉnh, Đoàn Luật sư tỉnh cung cấp ý kiến, kiến nghị của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình THPL.

b) Các tổ chức Hội nghề nghiệp cung cấp ý kiến, kiến nghị của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong THPL của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản pháp luật và các vấn đề có liên quan khác.

c) Các cá nhân tham gia cộng tác viên theo dõi tình hình THPL khi được cơ quan, người có thẩm quyền huy động.

d) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh cung cấp thông tin, kiến nghị của Nhân dân thông qua hoạt động giám sát tình hình THPL.

đ) Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các cơ quan ngành dọc khác đóng trên địa bàn tỉnh thông qua hoạt động của mình cung cấp thông tin về những bất cập, chông chéo, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Thông tin được cung cấp định kỳ hàng năm về tình hình THPL của cơ quan, tổ chức gửi đến Sở Tư pháp trước ngày 05 tháng 10 hàng năm (*số liệu tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước liền kề đến ngày 30 tháng 9 năm thực hiện cung cấp thông tin*) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, khi có vấn đề phát sinh cần được xử lý.

Chương III

PHỐI HỢP TRONG QUẢN LÝ CÔNG TÁC THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 12. Phối hợp trong việc tổ chức thực hiện, theo dõi tình hình thi hành, xây dựng, hoàn thiện pháp luật về XLVPHC

1. Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tổ chức xây dựng cơ sở vật chất, kiện toàn tổ chức, bố trí nguồn lực để triển khai việc thi hành pháp luật về XLVPHC.

b) Triển khai và tổ chức thực hiện các quy định của Luật XLVPHC và các văn bản của cấp có thẩm quyền hướng dẫn, chỉ đạo việc XLVPHC.

c) Chủ động rà soát, theo dõi tình hình áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật về XLVPHC thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý; kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn.

2. Sở Tư pháp tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện về những vướng mắc trong quá trình thực thi pháp luật về XLVPHC tại địa phương đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị Chính phủ, Bộ Tư pháp hoặc các Bộ, ngành Trung ương xem xét, hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung để nâng cao hiệu quả công tác THPL về XLVPHC.

Điều 13. Phối hợp phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật XLVPHC

1. Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh và cấp huyện tổ chức phổ biến pháp luật XLVPHC với nội dung và hình thức phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

2. Sở Tư pháp nghiên cứu, biên soạn tài liệu hoặc thu thập, tổng hợp các tài liệu đã phát hành phục vụ công tác phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn pháp luật về XLVPHC; hướng dẫn nghiệp vụ áp dụng pháp luật về XLVPHC theo thẩm quyền.

3. Các sở, ngành tỉnh chủ trì tổ chức tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về XLVPHC đối với lĩnh vực chuyên môn thuộc phạm vi quản lý của mình cho người làm công tác XLVPHC thuộc sở, ngành tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tổ chức tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về XLVPHC cho người làm công tác XLVPHC thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 14. Phối hợp trong kiểm tra việc THPL về XLVPHC

1. Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để thực hiện kiểm tra định kỳ theo chuyên đề hoặc kiểm tra đột xuất đối với những trường hợp, vụ việc áp dụng pháp luật XLVPHC có nhiều khó khăn vướng mắc hoặc có dấu hiệu xâm phạm nghiêm trọng quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc thi hành pháp luật về XLVPHC theo phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; cử cán bộ, công chức có thẩm quyền và trình độ chuyên môn nghiệp vụ tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật XLVPHC khi được yêu cầu; báo cáo kết quả kiểm tra theo quy định.

Điều 15. Phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về XLVPHC

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thanh tra tình hình thi hành pháp luật về XLVPHC.

2. Công tác phối hợp thanh tra thi hành pháp luật về XLVPHC giữa Sở Tư pháp với các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện được thực hiện trong trường hợp có kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng quy định pháp luật về XLVPHC gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

3. Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cử cán bộ, công chức có thẩm quyền và trình độ chuyên môn nghiệp vụ tham gia, phối hợp thực hiện thanh tra theo quy định của pháp luật về XLVPHC và pháp luật thanh tra.

Điều 16. Phối hợp xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC

1. Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về XLVPHC của địa phương và tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC tại Bộ Tư pháp theo quy định tại Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC và Thông tư số 13/2016/TT-BTP ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

2. Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan thi hành quyết định xử phạt, thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, cơ quan thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin về XLVPHC do mình thực hiện đến hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC theo quy định.

3. Đề nghị Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp XLVPHC phối hợp, cung cấp, cập nhật thông tin liên quan đến việc ban hành, thi hành quyết định XLVPHC do mình thực hiện đến hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC theo quy định của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

Điều 17. Phối hợp thống kê về XLVPHC

Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác thống kê về XLVPHC để phục vụ công tác hoàn thiện chính sách pháp luật, công tác báo cáo tình hình thi hành pháp luật về XLVPHC theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

Điều 18. Phối hợp báo cáo công tác THPL về XLVPHC

1. Báo cáo định kỳ:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Tư pháp chủ trì phối hợp với các phòng, ban chuyên môn lập báo cáo tình hình XLVPHC và báo cáo tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại địa phương; các sở, ngành tỉnh và các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh báo cáo công tác thi hành pháp luật XLVPHC trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình gửi Sở Tư pháp **trước ngày 10 tháng 4** đối với báo cáo định kỳ 06 tháng; **trước ngày 10 tháng 10** đối với

báo cáo hàng năm để Sở Tư pháp tổng hợp, trình báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định.

b) Ngoài nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo tình hình lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; tình hình tiếp nhận và quản lý đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; tình hình tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội các đối tượng không xác định được nơi cư trú là người chưa thành niên, người ốm yếu không còn khả năng lao động sau khi hết hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Công an tỉnh báo cáo tình hình lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

2. Ngoài việc thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1 Điều này, các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành Trung ương khi có yêu cầu.

3. Thời điểm lấy số liệu đối với báo cáo định kỳ 6 tháng tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 31 tháng 3 năm sau; đối với báo cáo hàng năm, từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

4. Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31 tháng 8 năm 2015 và đề nghị của Sở Tư pháp (nếu có).

Điều 19: Trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức liên quan

1. Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh phối hợp với Sở Tư pháp và các đơn vị có liên quan thực hiện cập nhật, đưa tin, bài phản ánh tình hình THPL về XLVPHC của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, đồng thời dành thời lượng thích hợp để giới thiệu các văn bản pháp luật về XLVPHC.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Trà Vinh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp theo dõi tình hình THPL về XLVPHC trên địa bàn tỉnh .

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra, thanh tra liên ngành về THPL về XLVPHC theo quyết định, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp có thẩm quyền phải tạo điều kiện và phân công người có thẩm quyền làm việc với đoàn kiểm tra, thanh tra; chuẩn bị đầy đủ hồ sơ phục vụ kiểm tra, thanh tra, giải trình và tiếp thu, khắc phục những vấn đề còn tồn tại, vướng mắc.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

Theo dõi, đôn đốc, đánh giá công tác phối hợp theo Quy chế này để góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác theo dõi tình hình THPL và quản lý công tác THPL về XLVPHC trên địa bàn tỉnh; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện công tác phối hợp theo Quy chế báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện công tác theo dõi tình hình THPL và quản lý công tác THPL về XLVPHC trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo theo quy định

Điều 21. Sở Tài chính

a) Hàng năm, trên cơ sở dự toán của các đơn vị, địa phương phục vụ cho công tác theo dõi tình hình THPL và quản lý công tác THPL về XLVPHC, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp hướng dẫn các đơn vị, địa phương trong việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí công tác theo dõi tình hình THPL và quản lý công tác THPL về XLVPHC đúng quy định.

Điều 22. Sở Nội vụ

a) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý kiến nghị của các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện về tổ chức, biên chế và nguồn nhân lực thực hiện công tác theo dõi tình hình THPL và quản lý công tác THPL về XLVPHC.

b) Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan tổ chức bồi dưỡng công chức làm công tác THPL về XLVPHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ theo dõi tình hình THPL và quản lý công tác THPL về XLVPC.

Điều 23. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan truyền thông kịp thời đưa tin, bài, tăng thời lượng phát sóng, tổ chức các chuyên mục giới thiệu, tuyên truyền Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ và các văn bản có liên quan trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Tiếp nhận thông tin về tình hình THPL do tổ chức, cá nhân cung cấp qua Cổng thông tin điện tử của tỉnh và chuyển đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền để xử lý hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Điều 24. Các sở, ban ngành tỉnh có liên quan

a) Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình THPL và quản lý công tác THPL về XLVPHC theo quy định của pháp luật và kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Tổ chức xây dựng cơ sở vật chất, kiện toàn tổ chức, bố trí nguồn lực để triển khai có hiệu quả công tác theo dõi tình hình THPL và THPL về XLVPHC tại cơ quan, đơn vị.

Điều 25. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình THPL và quản lý công tác THPL về XLVPHC theo quy định và kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình THPL và quản lý công tác THPL về XLVPHC trên địa bàn; định kỳ báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp).

3. Đảm bảo biên chế tại Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch xã, phường, thị trấn để thực hiện tốt công tác theo dõi tình hình THPL và quản lý công tác THPL về XLVPHC trên địa bàn cấp huyện.

4. Trên cơ sở ngân sách được phân bổ hàng năm, bố trí kinh phí đảm bảo cho các hoạt động theo dõi tình hình THPL và hoạt động quản lý công tác THPL về XLVPHC thuộc phạm vi, thẩm quyền theo phân cấp.

Điều 26. Các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo ngành dọc đồng trên địa bàn tỉnh

Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện quản lý nhà nước về công tác theo dõi tình hình THPL và quản lý công tác THPL về XLVPHC theo quy định pháp luật và Quy chế này.

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái